



Khuyến nghị phương án đàm phán
**Hiệp định Đối tác
Xuyên Thái Bình Dương
(TPP)**



LỜI NÓI ĐẦU

Với việc gia nhập WTO ngày 11/1/2007, Việt Nam đã tiến một bước dài trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, nếu như việc gia nhập WTO năm 2007 có thể được xem là bước hội nhập “theo chiều rộng” với những cam kết mở cửa ở mức độ tương đối áp dụng chung cho tất cả 150 thành viên của WTO thì việc ký kết các Thỏa thuận thương mại tự do (Free Trade Agreements – FTA) giữa Việt Nam với các đối tác khác hiện nay là hình thức hội nhập “theo chiều sâu” trong đó các cam kết mạnh mẽ hơn, ở nhiều lĩnh vực hơn và do đó mức độ tác động tới tương lai của nền kinh tế cũng như của mỗi ngành cũng lớn và phức tạp hơn.

Để quá trình đàm phán và hội nhập của Chính phủ gắn kết tốt hơn với lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9317/VPCP-QHQT ngày 24/12/2010 về việc giao Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) làm đầu mối tập hợp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp về các đàm phán cam kết thương mại quốc tế, VCCI đã và đang tiến hành các hoạt động cần thiết nhằm thúc đẩy và tạo điều kiện để cộng đồng doanh nghiệp nâng cao nhận thức và chủ động có ý kiến đối với các đàm phán thương mại quốc tế mà Nhà nước đang hoặc sẽ tiến hành đàm phán trong tương lai.

Trong khuôn khổ các hoạt động này, VCCI đã tổ chức nghiên cứu, lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp về phương án đàm phán mà cộng đồng doanh nghiệp mong muốn trong Đàm phán Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) với nhiều hình thức khác nhau¹.

¹ Xin tham khảo tại Website www.trungtamwto.vn Mục Chuyên đề “Đàm phán TPP”

Tài liệu **Khuyến nghị thứ nhất về phương án đàm phán chung liên quan đến TPP²** này là kết quả của việc tham khảo ý kiến cộng đồng, nghiên cứu của các chuyên gia Ủy ban Tư vấn Chính sách Thương mại Quốc tế VCCI và góp ý của các Hiệp hội doanh nghiệp ngành hàng.

Các **Khuyến nghị phương án đàm phán trong các lĩnh vực cụ thể** trong TPP đứng từ góc độ cộng đồng doanh nghiệp sẽ được thực hiện trong thời gian tới phù hợp với lịch trình đàm phán TPP và kết quả việc lấy ý kiến doanh nghiệp của VCCI.

Rất mong Đoàn đàm phán tham khảo và cân nhắc các nội dung trong Khuyến nghị khi xây dựng các phương án đàm phán TPP liên quan./

**Ủy ban Tư vấn Chính sách Thương mại Quốc tế
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

² Khuyến nghị này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Quan điểm trong Nghiên cứu này là của các tác giả và do đó không thể hiện quan điểm chính thức của Liên minh châu Âu hay Bộ Công Thương

Mục lục

Lời nói đầu	2
Dẫn đề-Tổng quan về Đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương	4
1. Lịch sử hình thành	4
2. Phạm vi điều chỉnh	4
Phần thứ nhất	
Các đối tác đàm phán TPP và lưu ý đối với Việt Nam	7
1. Hoa Kỳ và sự can dự của nước này vào TPP	7
2. Những đối tác hiện tại và trong tương lai	12
3. Malaysia – Những bước đi thận trọng	13
4. Canada và Nhật Bản – Những quan ngại nội địa	14
Phần thứ hai	
Tác động tiềm tàng của TPP – Phương án đàm phán nào cho Việt Nam?	16
1. Lợi ích từ TPP và các điều kiện tiên quyết	16
(i) Nhóm các lợi ích khai thác từ thị trường nước ngoài (các nước đối tác TPP)	16
(ii) Nhóm các lợi ích khai thác được tại thị trường nội địa (Việt Nam)	19
2. Bất lợi từ TPP và tình huống giảm nhẹ	20
(i) “Mất” ở thị trường nội địa	20
(ii) “Mất” ở thị trường các nước đối tác TPP	25
Kết luận	27

Dẫn đề

Tổng quan về Đàm phán Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

1. Lịch sử hình thành

Đàm phán Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) hiện nay có nguồn gốc từ Hiệp định hợp tác Kinh tế chiến lược Xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement – còn gọi là P4) - một Hiệp định thương mại tự do được ký kết ngày 3/6/2005, có hiệu lực từ 28/5/2006 giữa 4 nước Singapore, Chile, New Zealand, Brunei.

Năm 2007, các nước thành viên P4 quyết định mở rộng phạm vi đàm phán của Hiệp định này ra các vấn đề dịch vụ tài chính và đầu tư và trao đổi với Hoa Kỳ về khả năng nước này tham gia vào đàm phán mở rộng của P4. Phía Hoa Kỳ cũng bắt đầu tiến hành nghiên cứu vấn đề, tham vấn nội bộ với các nhóm lợi ích và Nghị viện về vấn đề này. Tháng 9/2008, USTR thông báo quyết định của Hoa Kỳ tham gia đàm phán P4 mở rộng và chính thức tham gia một số cuộc thảo luận về mở cửa thị trường dịch vụ tài chính với các nước P4. Tháng 11 cùng năm, các nước Úc, Peru và Việt Nam cũng bày tỏ sự quan tâm và tham gia đàm phán TPP, nâng tổng số thành viên tham gia lên 8 nước (trừ Việt Nam đến 13/11/2010 mới tuyên bố tham gia đàm phán với tư cách thành viên đầy đủ, các nước khác quyết định tham gia chính thức ngay từ đầu). Cũng từ thời điểm này, đàm phán mở rộng P4 được đặt tên lại là đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Tuy nhiên đàm phán TPP mới đã bị trì hoãn đến tận cuối 2009 do phải chờ đợi Hoa Kỳ hoàn thành kỳ bầu cử Tổng thống và Chính quyền mới của Tổng thống Obama tham vấn và xem xét lại việc tham gia đàm phán TPP. Tháng 12/2009 USTR mới thông báo quyết định của Tổng thống Obama về việc Hoa Kỳ tiếp tục tham gia TPP. Chỉ lúc này đàm phán TPP mới được chính thức khởi động.

Vòng đàm phán TPP đầu tiên được tiến hành tại Melbourn - Úc vào tháng 3/2010. Năm 2010 đã chứng kiến 4 vòng đàm phán trong khuôn khổ TPP. Các nước đàm phán đặt mục tiêu là sẽ hoàn thành đàm phán TPP vào cuối 2011 sau 5 vòng đàm phán dự kiến trong năm này. Mục tiêu này được đánh giá là hơi quá tham vọng bởi các đối tác tham gia TPP hiện còn khá xa nhau về quan điểm trong một số vấn đề cũng như kỳ vọng ở TPP. Tuy nhiên với quyết tâm của các nước, khả năng những vấn đề quan trọng và cơ bản nhất của TPP sẽ được thống nhất trước khi kết thúc 2011 là tương đối hiện thực.

2. Phạm vi điều chỉnh

Mặc dù đã trải qua 04 Vòng đàm phán chính thức (và 01 Vòng đàm phán giữa kỳ tại Peru tháng 8/2010), hiện nay chưa có sự thống nhất nào về phạm vi đàm phán TPP. Cho đến hết Vòng 4 vừa rồi, các bên mới chỉ thảo luận sơ bộ về các vấn đề chung (với việc chia thành 24 nhóm vấn đề để thảo luận) và các vấn đề kỹ thuật chuẩn bị cho bản chào đầu tiên (dự kiến đưa ra vào Vòng 5 tổ chức vào tháng 2 sắp tới tại Chile). Bốn vòng vừa rồi được xem là đã tương đối thành công của TPP (so với tốc độ đàm phán các FTA thường thấy). Các nước được xem là đã đạt được nhất trí cơ bản trong các nguyên tắc đàm phán và đã thiết lập được khuôn khổ cho các cam kết nền (kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cạnh tranh...). Đây được xem là thành công ban đầu tuy còn rất chung chung và vẫn tồn tại những bất đồng xung quanh các vấn đề này (trong đó đặc biệt vẫn còn chia rẽ trong cách thức xử lý mối quan hệ giữa TPP và những FTA đã tồn tại giữa các nước đối tác trong TPP cũng như cách thức đàm phán các cam kết mới trong TPP).

Mặc dù chưa đi vào cụ thể, phạm vi điều chỉnh tương lai của TPP có thể được suy đoán phần nào khi nhìn vào tính chất của các FTA nói chung, hiện trạng P4 nói riêng cũng như tham vọng đối với TPP của Hoa Kỳ, bên đàm phán có ảnh hưởng lớn nhất đối với tiến triển đàm phán.

Cụ thể, phạm vi điều chỉnh của TPP được xem là “bị quy định” bởi ít nhất 03 yếu tố sau:

- *TPP – Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*

Về nguyên tắc, các Hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreements - FTA) đòi hỏi mức độ cam kết mở cửa sâu hơn các cam kết mở cửa thương mại thông thường (thể hiện chủ yếu ở các lĩnh vực phải cam kết mở cửa rộng hơn, mức độ mở cửa như cắt giảm thuế quan, loại bỏ các điều kiện tiếp cận thị trường...).

Quá trình hội nhập và toàn cầu hóa hoạt động thương mại trên thế giới đã chứng kiến 03 thế hệ các FTA, bắt đầu từ các FTA thế hệ thứ nhất tập trung ở việc tự do hóa lĩnh vực thương mại hàng hóa (cắt giảm thuế quan, loại bỏ các rào cản phi thuế), sang các FTA thế hệ thứ hai với việc mở rộng phạm vi tự do hóa sang các lĩnh vực dịch vụ nhất định (xóa bỏ các điều kiện tiếp cận thị trường trong các lĩnh vực dịch vụ liên quan), và FTA thế hệ thứ ba tiếp tục mở rộng phạm vi tự do về dịch vụ, đầu tư.

Các hiệp định FTA trong thời gian gần đây (đặc biệt là các FTA mà Hoa Kỳ đàm phán) chứng kiến một xu hướng mới trong đó không chỉ những lĩnh vực thương mại mở cửa được đề cập mà cả những vấn đề phi thương mại như lao động, môi trường cũng được đưa vào đàm phán và ký kết.

Là một hiệp định mới nhất được đàm phán trong thời gian này, rõ ràng TPP sẽ khó đi chệch xu hướng này. Phạm vi của Hiệp định này, vì vậy, được dự kiến là sẽ rất rộng và phức tạp, với các vấn đề thương mại và phi thương mại đan xen.

- *TPP – Sự phát triển của P4*

Với “nền tảng” là Hiệp định P4, TPP được dự kiến là mở rộng và đa dạng hóa các lĩnh vực cam kết mà P4 đã đề cập. Theo một logic tự nhiên TPP được suy đoán có phạm vi rộng hơn P4.

Trong khi đó P4 đã có cam kết mạnh về thuế quan và nhiều vấn đề phi thuế quan như (xuất xứ hàng hóa, các biện pháp phòng vệ thương mại, các biện pháp vệ sinh dịch tễ, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, sở hữu trí tuệ, mua sắm công, chính sách cạnh tranh... và cả những vấn đề phi thương mại như lao động, môi trường).

Vì vậy TPP mới chắc chắn sẽ có phạm vi lớn hơn nữa.

- *TPP – “FTA của thế kỷ 21”*

Tham gia đàm phán TPP, Hoa Kỳ tuyên bố nước này kỳ vọng TPP sẽ tạo dựng một chuẩn mới cho các “FTA của thế kỷ 21”. Rõ ràng đây không phải là một tuyên bố hình thức khi người ta nhìn vào các FTA mà Hoa Kỳ đàm phán trong thời gian gần đây (FTA với Panama, Colombia và đặc biệt là FTA với Hàn Quốc – Xem Phụ lục 2). Mong muốn đằng sau tuyên bố này là Hoa Kỳ sẽ cố gắng để TPP có phạm vi lớn nhất có thể, và với mức độ mở cửa rộng nhất có thể.

Với tham vọng như vậy của “người cầm trịch”, đàm phán TPP khó có thể là một đàm phán ở mức độ “tự do cầm chừng” hay phạm vi “tự do hạn chế”.

Những yếu tố nêu trên là căn cứ để nhiều chuyên gia cho rằng mặc dù chưa xác định các nội dung đàm phán thực chất, TPP sẽ có phạm vi điều chỉnh rộng, với xu hướng đàm phán tự do mạnh mẽ, cụ thể:

- Thuế quan: Cắt giảm hầu hết các dòng thuế (ít nhất 90%), thực hiện ngay hoặc thực hiện với lộ trình rất ngắn

- Dịch vụ: Tăng mức độ mở cửa các lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ tài chính
- Đầu tư: Tăng cường các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài và bảo vệ nhà đầu tư
- Quyền sở hữu trí tuệ: Tăng mức độ bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cao hơn so với mức trong WTO (WTO+)
- Các biện pháp SPS, TBT: Siết chặt các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ và rào cản kỹ thuật;
- Cạnh tranh và mua sắm công: Tăng cường cạnh tranh, đặc biệt trong lĩnh vực mua sắm công
- Các vấn đề lao động: đặc biệt là các vấn đề về quyền lập hội (nghiệp đoàn), quyền tập hợp và đàm phán chung của người lao động, quy định cấm sử dụng mọi hình thức lao động cưỡng bức, quy định cấm khai thác lao động trẻ em, quy định không phân biệt đối xử trong lực lượng lao động
- Các vấn đề phi thương mại khác: Tăng yêu cầu về môi trường

Phần thứ nhất

Các đối tác đàm phán TPP và lưu ý đối với Việt Nam

Có 08 đối tác tham gia 03 Vòng đàm phán đầu tiên của TPP, bao gồm 4 nước thành viên P4 (là New Zealand, Brunei, Chile, Singapore) và 4 nước bên ngoài (là Australia, Peru, Hoa Kỳ và Việt Nam). Malaysia tham gia TPP từ Vòng đàm phán thứ 3, nâng tổng số đối tác tham gia đàm phán TPP lên 9 nước.

Trong tương lai, số lượng các bên tham gia đàm phán còn có thể mở rộng thêm bởi nhiều nước khác trong khu vực ASEAN và APEC đã tỏ thái độ quan tâm đến TPP, đặc biệt là Nhật Bản, Canada, Hàn Quốc, Indonesia và Thái Lan.

Việc xem xét quan điểm và thái độ của một số đối tác trong TPP thực hiện dưới đây chỉ giới hạn ở những trường hợp có ý nghĩa đối với Việt Nam (trong việc học hỏi kinh nghiệm hoặc trong việc xác định vị thế đàm phán thích hợp).

1. Hoa Kỳ và sự can dự của nước này vào TPP

Trong số các nước tham gia TPP tính đến thời điểm hiện nay, Hoa Kỳ là nước lớn nhất và do đó cũng là nước có ảnh hưởng nhất tới tiến trình, phạm vi cũng như kết quả đàm phán. Vì vậy việc tìm hiểu mục tiêu, tham vọng cũng như những vấn đề nội bộ liên quan của Hoa Kỳ có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tương lai của TPP.

Ngoài ra, đối với Việt Nam mặc dù TPP tương lai sẽ là Hiệp định thương mại tự do chung giữa Việt Nam và ít nhất là 8 nước khác, Hoa Kỳ vẫn là đối tác chính và cần lưu ý nhất trong đàm phán bởi hai lý do:

- So với các nước khác, Hoa Kỳ là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam (đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu);
- Việt Nam đã có sẵn thỏa thuận thương mại tự do với Australia, New Zealand (trong AANZFTA) và Brunei, Singapore, Malaysia (trong



AFTA), đang đàm phán với Peru và sẽ ký FTA với Chile, do đó nếu TPP có đi tới đích thì hiện trạng thương mại giữa Việt Nam với các nước này cũng không thay đổi đáng kể.

Vì vậy việc đàm phán TPP của Việt Nam chủ yếu là đàm phán với Hoa Kỳ. Và những cân nhắc về quan điểm và động thái của nước này là rất quan trọng để xác định phương án đàm phán và thái độ thích hợp của Việt Nam nhằm đạt được hiệu quả đàm phán tốt nhất có thể.

Liên quan đến Hoa Kỳ, có ít nhất 02 vấn đề cần đặc biệt tập trung xem xét.

- Mục đích của Hoa Kỳ và sự cam kết của nước này đối với đàm phán TPP; và
- Những khó khăn của Hoa Kỳ và triển vọng thực thi của TPP.

Về mục tiêu của Hoa Kỳ

Theo quan sát của các chuyên gia, Hoa Kỳ tham gia đàm phán TPP chủ yếu vì lợi ích kinh tế (các mục tiêu địa chính trị cũng được một số ý kiến nhắc đến, tuy nhiên không được tuyên bố hay thể hiện rõ ràng). Cụ thể, Hoa Kỳ được cho là mong muốn thúc đẩy TPP vì các mục tiêu sau đây:

- Gia tăng lợi ích của Hoa Kỳ trong chính sách kinh tế và đối ngoại với Đông Nam Á, xây dựng tiền đề cho hội nhập kinh tế của Hoa Kỳ với Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương;
- Mở rộng thị trường và tăng cường xuất khẩu của Hoa Kỳ, gắn với việc thực hiện Sáng kiến Tăng cường Xuất khẩu (với mục tiêu tham vọng là tăng gấp đôi kim ngạch xuất khẩu của Hoa Kỳ trong vòng 5 năm);
- Khắc phục tình trạng Hoa Kỳ bị đứng ngoài một khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới do việc gia tăng các Hiệp định Thương mại Tự do trong khu vực này mà không có sự tham gia của Hoa Kỳ



- Chống lại những ảnh hưởng ngày càng gia tăng về thương mại của Trung Quốc trong khu vực và trên thế giới
- Tiếp tục mục tiêu tự do hóa thương mại kiểu Mỹ thông qua việc ký kết và thực thi các FTA (đặc biệt trong hoàn cảnh tiến trình tự do hóa thương mại đa biên thông qua Vòng Đám phán Doha không đạt được tiến triển gì đáng kể).

Có thể thấy là Hoa Kỳ có lợi ích thực sự trong TPP, đặc biệt khi TPP có thể xem là thỏa thuận thương mại lớn duy nhất mà hiện nay Hoa Kỳ đang đàm phán, vì vậy có thể tin tưởng rằng sự tham gia TPP của Hoa Kỳ không phải là một hành động “mang tính biểu tượng” hay chỉ đơn thuần là nhằm phân tán sự chú ý của công chúng khỏi những vấn đề thương mại còn đang dang dở dưới thời Tổng thống tiền nhiệm (mà đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do đã ký kết với Panama, Colombia và Hàn Quốc) như nhiều người lo ngại.

Khẳng định này là rất có ý nghĩa từ nhiều góc độ:

- Thứ nhất, việc đàm phán TPP là thực chất đối với Hoa Kỳ - người “cầm trịch” của quá trình này là một căn cứ quan trọng để các đối tác thực hiện những nỗ lực đàm phán ở mức cao cho TPP. Việt Nam cũng yên tâm hơn khi đặt các nỗ lực vào đàm phán này mà không phải quá lo lắng nỗ lực này không mang lại hiệu quả thực tế chỉ bởi đối tác chưa sẵn sàng hoặc không thực sự muốn có những tiến triển thực chất trong kết quả đàm phán;
- Thứ hai, những kỳ vọng về lợi ích xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ mà Hoa Kỳ đặt vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương, mong muốn can dự của nước này vào mạng lưới FTA ở khu vực này cũng như đối trọng kinh tế với Trung Quốc tạo nên lợi thế nhất định trong đàm phán TPP cho các nước trong khu vực này, đặc biệt là những nước chưa có FTA với Hoa Kỳ như Malaysia và Việt Nam (đặc biệt trong những vấn đề mà Hoa Kỳ có thể đánh đổi như hạn chế các rào cản nội địa của phía Hoa Kỳ). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng những kỳ vọng kinh tế của Hoa Kỳ cũng có thể khiến cho nước này cứng rắn hơn trong các đàm phán mở cửa của các đối tác liên quan (mặc dù từ góc độ nào đó, việc mở cửa thị trường với đối tác như



Hoa Kỳ không hẳn sẽ gây ra tác động bất lợi lớn và tức thì như cách mà việc mở cửa thị trường cho Trung Quốc gây ra với các nước).

- Thứ ba, khi chưa có Malaysia tham gia TPP, Việt Nam là một đích nhắm quan trọng của Hoa Kỳ trong đàm phán này (bởi các nước khác trong khu vực châu Á mà Hoa Kỳ đang nhắm tới hoặc là đã có FTA với Hoa Kỳ, ví dụ Singapore, hoặc là có quan hệ thương mại không đáng kể với Hoa Kỳ như Brunei). Đây có thể là lý do giải thích vì sao mà Việt Nam được nhắc đến rất nhiều trong các bài phát biểu của Phó Đại diện Thương mại Hoa Kỳ trong chuyến công du của ông này tới các bang Hoa Kỳ để thuyết phục cộng đồng doanh nghiệp về những lợi ích mà TPP có thể mang lại. Sẽ rất tốt nếu Việt Nam tận dụng lợi thế này để đưa ra những yêu cầu thích hợp trong đàm phán với Hoa Kỳ (đặc biệt liên quan đến các vấn đề rào cản mà nước này đặt ra đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam). Tháng 10/2010, cục diện này có thay đổi đôi chút khi Malaysia, nước có quan hệ thương mại lớn với Hoa Kỳ, tham gia đàm phán TPP. Với sự hiện diện của Malaysia trong TPP, lợi thế nói trên của Việt Nam không mất đi nhưng bị san sẻ một phần cho nước này. Việt Nam có thể cân nhắc để có tiếng nói cộng hưởng cùng Malaysia về những vấn đề mà cả hai cùng quan tâm trên thị trường Hoa Kỳ, điều có thể làm nên một sức ép nhất định đối với đối tác nổi tiếng cứng rắn này.

Tóm tắt

- Việt Nam có vị thế nhất định trong đàm phán TPP, đặc biệt với Hoa Kỳ và do đó cần tận dụng tốt vị thế này;
- Việt Nam có thể kết hợp với những nước có cùng vị thế và điều kiện để đưa ra các yêu cầu đàm phán phù hợp với lợi ích của mình và có thể chấp nhận được bởi các đối tác.



Về những khó khăn trong nội bộ Hoa Kỳ

Trong khi quyết tâm đàm phán của Hoa Kỳ trong TPP là tương đối rõ ràng, được hậu thuẫn bởi những định hướng và mục tiêu phát triển thương mại đã được Chính quyền Obama nhấn mạnh, và do đó khả năng kết thúc đàm phán với kết quả cụ thể là tương đối cao, vẫn còn không ít ý kiến lo ngại về khả năng hiện thực hóa các cam kết TPP trên thực tế.

Cụ thể, người ta quan ngại rằng ảnh hưởng của những nhóm lợi ích phản đối TPP và kết quả bầu cử giữa kỳ tháng 11/2010 ở Hoa Kỳ (với việc Đảng Cộng hòa thắng đa số tại Hạ Viện) có thể khiến cho khả năng TPP được thông qua sau khi đàm phán kết thúc mong manh hơn. Những ý kiến này nghi ngờ rằng đàm phán TPP sẽ rơi vào cái bẫy “chờ thông qua” (“pending”) như đang thấy đối với các kết quả đàm phán FTA với Panama, Colombia và Hàn Quốc dưới thời chính quyền tiền nhiệm. Nói một cách khác, quyết tâm của riêng chính quyền Obama là chưa đủ để có thể hiện thực hóa TPP. Và những khó khăn của Hoa Kỳ liên quan đến khả năng thông qua TPP rất có thể sẽ khiến cho nỗ lực đàm phán của các nước đối tác trở thành vô nghĩa, hoặc chính xác hơn là kéo dài vô thời hạn thời điểm cam kết trong TPP có hiệu lực thực tế.

Về vấn đề này, các chuyên gia đều cho rằng sự tồn tại những ý kiến khác nhau về lợi ích của TPP ở Hoa Kỳ là bình thường, cũng giống như trong tất cả các trường hợp FTA khác. Luôn luôn có những nhóm phản đối tự do hóa thương mại, với cáo buộc rằng tiến trình này sẽ khiến cho cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ Hoa Kỳ khó khăn hơn, và vì thế có thể khiến nguy cơ phá sản, mất việc làm tăng lên. Chủ nghĩa “nghi ngờ” này luôn tồn tại ở Hoa Kỳ, và đặc biệt có phần gia tăng trong giai đoạn khủng hoảng.

Liên quan đến đàm phán TPP, nhiều ngành sản xuất của Hoa Kỳ ủng hộ việc chính quyền tham gia đàm phán này với hy vọng khai thác nhiều hơn những lợi ích ở thị trường các nước TPP trong các ngành sản xuất quan trọng của Hoa Kỳ, bao gồm nông nghiệp (nhưng không bao gồm ngành sữa), các sản phẩm



công nghiệp, dệt may, giày dép, đồ gỗ, các ngành công nghệ cao, điện tử, các lĩnh vực dịch vụ (đặc biệt là dịch vụ y tế, bảo hiểm, đầu tư, ngân hàng...). Bên cạnh đó, như trong bất kỳ các trường hợp khác, các nhóm theo xu hướng bảo hộ như các tổ chức công đoàn, ngành sữa và ngành dệt may Mỹ vẫn tỏ thái độ nghi ngờ về những lợi ích mà TPP có thể mang lại và do đó không mặn mà, thậm chí phản đối việc chính quyền nước này dành nguồn lực để đàm phán TPP. Trong tương quan lực lượng thì số ủng hộ TPP vẫn là áp đảo, vì vậy ít có lý do để lo lắng rằng áp lực của nhóm phản đối có thể dẫn đến khả năng Nghị viện bị thuyết phục rộng rãi đến mức không thông qua TPP.

Nỗ lực gần đây của Phó Đại diện thương mại Hoa Kỳ khi thực hiện chuyến công du tới các bang để thuyết phục cộng đồng doanh nghiệp về các lợi ích của TPP thực chất là nhằm thuyết phục làn sóng nghi ngại đang gia tăng ở Mỹ về ích lợi của tự do thương mại. Làm điều này, họ cũng muốn thể hiện hình ảnh một Đại diện thương mại rất thấu hiểu những khó khăn của người lao động trung bình trong xã hội Mỹ và rất nhạy cảm với những quan ngại của giới này về tự do thương mại. Nỗ lực này của USTR, vì vậy, mang màu sắc chính trị (lôi kéo công chúng) hơn là vì lo ngại TPP sẽ bị phản đối dữ dội tới mức không thể tiến hành được.

Tuy nhiên, khác với sự lo sợ làn sóng phản đối từ công chúng trong nội bộ Hoa Kỳ, mối quan ngại về việc TPP sẽ không được thông qua dù đàm phán xong xuôi xuất phát từ việc Đảng Cộng hòa (đảng đối lập với chính quyền của Đảng Dân chủ hiện nay) chiến thắng tại Hạ viện trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ Tổng thống Obama lại cần phải xem xét thấu đáo hơn nhiều. Cụ thể, do TPP dự kiến sẽ không thể thông qua theo thủ tục “rút gọn” (fast-track) với sự tham gia hạn chế của Nghị viện; TPP sẽ phải được Nghị viện xem xét đầy đủ và thông qua thì mới có thể trở thành hiện thực. Vì vậy sự ủng hộ của Nghị viện có ý nghĩa quyết định đối với tương lai TPP, một sự ủng hộ tương đối khó



khẩn trong điều kiện Nghị viện và Chính quyền thuộc 2 chính đảng đối lập nhau.

Ý kiến lạc quan cho rằng Phe Cộng hòa trong Nghị viện vốn luôn ủng hộ các sáng kiến tự do thương mại nói chung và TPP nói riêng (thậm chí trong quá khứ TPP còn là chủ đề nhận được sự ủng hộ rộng rãi của Đảng Cộng hòa dưới thời Tổng thống Bush). Và định hướng của một Đảng về một vấn đề cụ thể đã được xác định trước đó thì không dễ thay đổi (trừ khi có những biến động lớn). Trong quá khứ, Tổng thống Bill Clinton (đảng Dân chủ) cũng đã từng nhận được sự cổ vũ nhiệt tình của các nghị sỹ Đảng Cộng hòa khi thông qua Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Do đó nhóm ý kiến này lạc quan rằng chiến thắng của Đảng Cộng hòa thực tế là động lực mạnh hơn để TPP có thể được thông qua.

Tuy nhiên nhóm ý kiến thận trọng hơn lại cho rằng vẫn tồn tại khả năng phe Cộng hòa trong Hạ viện có thể gây khó dễ cho Chính quyền Obama bằng việc không thông qua TPP (mà không phải vì vấn đề bản chất của Hiệp định này). Ngoài ra, nếu các FTAs đã ký kết và hiện vẫn đang “nằm chờ” trên bàn các nghị sỹ hiện nay (với Panama, Colombia và Hàn Quốc) không được thông qua thì việc thông qua TPP được dự báo là sẽ khó khăn.

Bên cạnh những yếu tố chính trị, trong tương lai việc thông qua TPP hay không sẽ phụ thuộc nhiều vào việc TPP mang lại lợi ích như thế nào cho Hoa Kỳ (điều chỉ có thể xác định được đầy đủ khi đã nội dung đàm phán TPP đã hoàn tất). Và vì thế rất khó có thể dự đoán cụ thể về khả năng Nghị viện Hoa Kỳ thông qua TPP tại thời điểm này.

Sự bất định này có thể những tác động không nhỏ tới đàm phán TPP mà các nước TPP, trong đó có Việt Nam, phải lưu ý:

- Thứ nhất, cần cân nhắc vấn đề này để xác định lộ trình đàm phán TPP thích hợp, tránh trường hợp đàm phán dở dang kéo dài hoặc rơi vào chờ



đợi chỉ vì tình hình chính trị ở Hoa Kỳ không thuận lợi hoặc không thích hợp (ví dụ nếu không đàm phán nhanh, ít nhất là về những vấn đề cơ bản, bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ năm 2012 có thể sẽ làm đình đốn quá trình đàm phán);

- Thứ hai, có thể phải xem xét khả năng tiến hành vận động giới chính trị và công chúng Hoa Kỳ trong việc thông qua TPP nói chung cũng như sự ủng hộ của họ trong từng giai đoạn đàm phán nói riêng nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là TPP có hiệu lực trên thực tế – đây không phải là việc dễ làm nếu không có sự đồng lòng từ các nước TPP (trong khi đó lại có khá nhiều nước đã có FTA với Hoa Kỳ và do đó nhu cầu không đặc biệt lớn).

Tóm tắt

- Cần tăng tốc đàm phán TPP (ít nhất là về những nội dung cốt lõi) để tận dụng được cơ hội kết thúc đàm phán TPP (và thông qua, nếu có thể) trong thời gian sớm nhất;
- Nghiên cứu khả năng cùng các đối tác tiến hành vận động hành lang tại Hoa Kỳ để tăng khả năng TPP được thông qua sau khi hoàn thành đàm phán.



2. Những đối tác hiện tại và trong tương lai

Đàm phán TPP là đàm phán mở, với số lượng các đối tác tham gia đàm phán lớn (và còn có thể tiếp tục gia tăng trong tương lai với ít nhất là 5 nước đang bày tỏ sự quan tâm).

Đây không phải lần đầu tiên Việt Nam tham gia một đàm phán FTA khu vực lớn với nhiều đối tác như vậy (trong AFTA hay ASEAN+, số lượng các đối tác thậm chí còn lớn hơn). Tuy nhiên, TPP có những điểm riêng có thể ảnh hưởng đến Việt Nam theo cách thức lớn hơn nhiều, và do đó cũng đòi hỏi Cơ quan đàm phán phải có lưu ý đặc biệt:

- *Thứ nhất*, các đối tác tham gia TPP có trình độ phát triển khác nhau và thể mạnh kinh tế khác nhau (điều này hoàn toàn khác với AFTA nơi các nước có thể mạnh gần giống nhau và khả năng bổ sung cũng như lợi ích tiếp cận thị trường không quá lớn). Vì vậy việc cân nhắc lựa chọn phương án đàm phán nào thích hợp (phương án một biểu cam kết chung đối với tất cả các đối tác còn lại trong TPP? Hay phương án mỗi quan hệ song phương thiết lập một biểu cam kết riêng?) cần được thực hiện cẩn trọng.

Một biểu cam kết làm hài lòng tất cả các đối tác (phương án một biểu cam kết chung của Việt Nam cho tất cả các nước TPP) có thể đồng nghĩa với việc mở cửa hầu như tất cả các lĩnh vực (bởi mỗi đối tác sẽ có mối quan tâm riêng, và mong muốn Việt Nam mở cửa ở lĩnh vực mà họ có thể mạnh). Điều này sẽ khiến kết quả đàm phán về tổng thể có thể gây thiệt thòi cho phía Việt Nam (trong hoàn cảnh các đối tác có thể mạnh hơn và Việt Nam đang bảo hộ nhiều hơn).

Phương án từng biểu cam kết riêng cho từng đối tác có bất lợi là khiến việc đàm phán phức tạp, tốn nhiều nguồn lực và việc thực thi không hẳn đã dễ dàng. Tuy nhiên, nếu theo phương án này mà đạt được những cam kết ở mức gần tiệm cận với các cam kết đã có với những nước mà Việt Nam đã có FTA, thì



vấn đề sẽ đơn giản hơn, chúng ta chỉ mất công đàm phán thêm với những đối tác chưa có FTA đặc biệt là Hoa Kỳ.

- *Thứ hai*, trong TPP có những nước có điều kiện và trình độ phát triển tương tự Việt Nam và có những nước thuộc “nhóm trên”. Vì vậy Việt Nam cần tích cực tranh thủ tiếng nói chung và sự ủng hộ của các nước này (có thể tạo thành một nhóm cụ thể) trong đàm phán với các nước lớn hơn, đặc biệt là với đối tác Hoa Kỳ và trong những vấn đề liên quan đến cách thức đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước có trình độ phát triển kém hơn. Cũng với cách thức đàm phán theo nhóm nước như vậy, Việt Nam nên tiếp cận các vấn đề hóc búa trong đàm phán (ví dụ về nghiệp đoàn) cùng với những quốc gia có chung mối quan ngại. Đây là điểm thuận lợi đáng kể khi đàm phán đa phương trong khuôn khổ TPP thay vì đàm phán một hiệp định thương mại tự do song phương với Hoa Kỳ mà Việt Nam cần lưu ý khai thác.

Theo quan điểm của một số chuyên gia từng đại diện cho Hoa Kỳ trong đàm phán các FTA, Hoa Kỳ có thể rất “cứng rắn” trong một số vấn đề và không chấp nhận một Hiệp định 2 tầng (với các đối xử đặc biệt và khác biệt) trong những đàm phán song phương với nước có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn Hoa Kỳ rất nhiều. Điều này, tuy vậy, không phải nguyên tắc đương nhiên sẽ áp dụng trong một đàm phán đa phương như TPP và khối nước đang phát triển cũng là những thị trường mục tiêu quan trọng của Hoa Kỳ như trong TPP nếu các nước “nhóm dưới” có sự đoàn kết trong những mục tiêu cụ thể khi đàm phán.

- *Thứ ba*, số lượng các bên đàm phán TPP có thể thay đổi trong tương lai với sự tham gia của nhiều nước khác có lợi ích liên quan. Sự tham gia của mỗi đối tác sẽ khiến cho cán cân lợi ích giữa các nước, nhóm nước trong TPP thay đổi. Tác động tiềm tàng của TPP đối với mỗi nước nói chung và Việt Nam cũng sẽ thay đổi. Vì vậy chúng ta cần phải tiến hành lại những tính toán mỗi khi TPP có thêm thành viên mới, cả về vị thế đàm phán lẫn các phương án đàm



phán liên quan. Nếu Việt Nam lựa chọn ủng hộ phương thức đàm phán một biểu cam kết chung cho tất cả các đối tác TPP thì điều này lại càng quan trọng hơn nữa (do tác động của việc mở cửa sẽ thay đổi khi năng lực của đối tác thay đổi, và càng gia tăng số lượng các đối tác thì nền kinh tế sẽ càng bị tác động mạnh hơn, đa diện hơn).

Tính mở của đàm phán TPP có điểm tốt là chỉ bằng đàm phán TPP, chúng ta có thể cùng có lúc FTA với nhiều đối tác nhất có thể. Tuy nhiên điều này cũng đồng thời gây khó khăn cho việc kết thúc đàm phán (bởi càng nhiều ý kiến càng khó tìm điểm thống nhất). Và nếu đàm phán TPP càng kéo dài thì tương lai càng khó kiểm soát hơn (như đã trình bày ở mục II.3, đặc biệt liên quan đến tình hình chính trị tại Hoa Kỳ).

Tóm tắt

- Cân nhắc đầy đủ các yếu tố khi quyết định lựa chọn ủng hộ phương pháp đàm phán biểu cam kết song phương hay đa phương trong TPP
- Tạo thành nhóm đàm phán thích hợp trong những vấn đề cần sự hậu thuẫn từ nhiều nước (đặc biệt liên quan đến việc yêu cầu cơ chế đối xử đặc biệt và khác biệt đối với Việt Nam);
- Tính toán lại các phương án đàm phán khi có sự tham gia của đối tác mới trong TPP



3. Malaysia – Những bước đi thận trọng

Malaysia là nước đầu tiên ngoài 8 nước ban đầu bày tỏ ý định tham gia đàm phán TPP và đã nhận được sự ủng hộ của các bên trong TPP. Nước này đã dành cả giai đoạn xuân hè năm 2010 để nghiên cứu thông tin về đàm phán TPP, những nội dung mà đàm phán này sẽ bao trùm (mà đặc biệt là những lĩnh vực mà nước này đã từ chối mở cửa trong đàm phán FTA song phương với Hoa Kỳ đã đổ vỡ trước đó, bao gồm mua sắm công và thị trường dịch vụ) và tham vấn nội bộ về kỳ vọng của các nhóm lợi ích đối với đàm phán này.

Việt Nam tuy tham gia TPP ngay từ giai đoạn đầu của đàm phán này nhưng chỉ với tư cách là thành viên liên kết. Phải đến sau Vòng đàm phán thứ 3, sau nhiều hồi thúc của các đối tác khác trong TPP mà đặc biệt là Hoa Kỳ, nhân dịp Hội nghị Thượng đỉnh APEC 2010 tại Nhật Bản, Việt Nam mới chính thức tham gia TPP với tư cách thành viên đầy đủ với tuyên bố của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết. Nhiều người hy vọng rằng khoảng thời gian hơn một năm cân nhắc này đã được sử dụng một cách hữu ích với việc xem xét đầy đủ và toàn diện những ảnh hưởng có thể có của TPP với nền kinh tế Việt Nam.

Tuy nhiên, điều dễ nhận biết là trong giai đoạn này đã không diễn ra cuộc tham vấn chính thức nào với các nhóm lợi ích trong nước nói riêng cũng như với cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân sự nói chung. Sự xem xét được thực hiện chủ yếu trong nội bộ Cơ quan đàm phán cùng các Bộ ngành liên quan. Điều này đặt ra nhu cầu cấp bách hơn trong quá trình đàm phán thực chất TPP tới đây về việc lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp và người dân đối với phương hướng đàm phán nhằm đạt được những lợi ích tốt nhất từ TPP cũng như những thỏa hiệp cần có để tránh những tác động bất lợi đối với nền kinh tế hoặc vượt qua những yếu tố có thể làm vô hiệu hóa những lợi ích kỳ vọng từ đàm phán này.

Tóm tắt

- Xây dựng một cơ chế lấy ý kiến hiệu quả cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình đàm phán TPP
- Thực thi tốt cơ chế này trên thực tế đàm phán



4. Canada và Nhật Bản – Những quan ngại nội địa

Trong số các nước bày tỏ ý định xem xét gia nhập đàm phán TPP, Canada và Nhật Bản là hai nước có hành động rõ ràng nhất về vấn đề này.

Cụ thể, hai nước này đã tiến hành một số cuộc gặp với các nước thành viên TPP để trao đổi thông tin, tìm hiểu về tham vọng của quá trình đàm phán cũng như kỳ vọng của các nước thành viên khi tham gia TPP.

Tuy nhiên, một vài trong số các nước thành viên TPP không mấy hào hứng với việc mời Canada tham gia TPP, một phần lý do chủ yếu là bởi nước này vẫn giữ lập trường cứng rắn trong việc bảo vệ ngành sữa.

Về phần Nhật Bản, nước này hiện đang gặp phải những khó khăn trong việc trao đổi, tham vấn và thuyết phục các nhóm lợi ích nội địa về sự tham gia TP nên chưa thể sớm có quyết định chính thức. Mặt khác, cũng như Canada, Nhật Bản dường như vẫn giữ quan điểm duy trì bảo hộ ở mức độ cao đối với ngành nông nghiệp và điều này khiến một số thành viên TPP không hẳn mặn mà với việc Nhật Bản tham gia đàm phán này.

Việc các nước này có tham gia TPP hay không và cách thức tiếp nhận của các đối tác hiện có trong TPP về sự tham gia này có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình đàm phán cũng như tương lai kết quả của TPP. Đối với Việt Nam, sự tham gia này đặt ra ít nhất 02 vấn đề quan trọng:

- Việc xem xét có chấp nhận sự tham gia của các nước mới vào đàm phán TPP hay không cần được xem xét cẩn trọng từ góc độ lợi ích có liên quan của Việt Nam. Ví dụ đối với Canada, việc tiếp cận thị trường sữa của nước này không phải là quá quan trọng đối với Việt Nam trong khi việc khai thác những lợi thế khác từ nước này lại có ý nghĩa với chúng ta. Còn đối với Nhật Bản, quan hệ đối tác kinh tế chiến lược trong khuôn khổ VJEPA đã là tương đối thuận lợi cho Việt Nam, vì vậy câu chuyện tiếp cận bằng được thị trường nông sản nước này không phải là vấn đề đặc biệt cần nhấn mạnh của Việt Nam;
- Việc các nước như Canada, Nhật Bản có những lưu tâm đặc biệt tới việc bảo hộ ngành nông nghiệp của nước mình là điều mà Việt Nam cũng nên học tập để bảo vệ nhóm chủ thể dễ bị tổn thương (và thực tế là đã bị ảnh hưởng tiêu



cực) từ tự do hóa thương mại của mình. So với các nước khác, Việt Nam cũng chưa dành được nhiều hỗ trợ cho nhóm đối tượng đặc biệt này, vì vậy việc bảo hộ bằng việc hạn chế ở mức độ cần thiết việc mở cửa thị trường liên quan lại càng cần được nhấn mạnh hơn nữa. Ngoài ra, lựa chọn bảo hộ của các nước này cũng là điều nhắc nhở chúng ta rằng việc bảo hộ nên hướng tới những đối tượng nhạy cảm (đặc biệt là nông dân và nông thôn) chứ không thể và không nên tập trung vào những nhóm đối tượng sản xuất mà năng lực cạnh tranh hạn chế chủ yếu do đã được bảo hộ quá lâu và không tự đặt mình vào sức ép cạnh tranh mới.

Khuyến nghị 1 – Về đối tượng bảo hộ

- Tăng cường sự quan tâm bảo vệ những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong hội nhập mở cửa (đặc biệt là nông dân, nông thôn) khi xây dựng phương án đàm phán liên quan;
- Không bảo hộ những ngành mà năng lực cạnh tranh hạn chế chủ yếu do đã được bảo hộ quá lâu và không tự đặt mình vào sức ép cạnh tranh mới.



Phần thứ hai

Tác động tiềm tàng của TPP – Phương án đàm phán nào cho Việt Nam?

Ký kết một FTA về bản chất là chấp thuận mở rộng thị trường của mình cho hàng hóa dịch vụ nước ngoài cũng như xác lập quyền tiếp cận đối với thị trường đối tác ở mức độ ưu tiên so với thông thường. Với tính chất là một FTA “thế hệ mới”, sự “ưu tiên” này có thể ở mức độ “đặc biệt”.

Với cách hiểu thông thường này, lợi ích trong TPP của Việt Nam chủ yếu nằm ở khả năng hàng hóa dịch vụ của chúng ta sẽ được ưu tiên hơn khi tiếp cận thị trường các nước đối tác thông qua việc đối tác cắt giảm thuế quan, bãi bỏ các điều kiện đối với đầu tư dịch vụ.

Và tác động bất lợi của TPP sẽ nằm ở thị trường Việt Nam, ở sự cạnh tranh gay gắt hơn giữa sản xuất, dịch vụ trong nước với hàng hóa, dịch vụ nước ngoài cũng như ở những thách thức lớn hơn trong việc bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ, các vấn đề về lao động, môi trường khi mà hàng hóa dịch vụ hay đầu tư từ các nước TPP sẽ được ưu tiên khi tiếp cận thị trường chúng ta.

Lý thuyết là vậy nhưng trên thực tế có những lợi ích suy đoán có thể bị vô hiệu hóa, có những lợi ích khác tuy chưa được đánh giá cao nhưng lại có thể là nguồn “sinh lời” hiệu quả. Cũng như vậy, những thách thức đã được xác định có thể không quá lớn như quan ngại, đôi khi lại có thể là cơ hội tốt để phát triển.

Tác động cụ thể của TPP tất nhiên phải phụ thuộc vào kết quả đàm phán cụ thể. Tuy nhiên việc nhận biết đầy đủ và từ nhiều góc độ các khả năng lý thuyết về lợi ích và bất lợi của TPP với tính chất là một FTA thế hệ mới sẽ là cơ sở để các nhà đàm phán luôn giữ được cái nhìn tổng thể trong các phương án đàm phán mà vẫn đảm bảo tính linh hoạt theo từng hoàn cảnh cụ thể.



1. Lợi ích từ TPP và các điều kiện tiên quyết

(i) Nhóm các lợi ích khai thác từ thị trường nước ngoài (các nước đối tác TPP)

Lợi ích ở thị trường các nước đối tác TPP mà Việt Nam có thể tận dụng từ TPP thể hiện ở 2 hình thức chủ yếu:

- Lợi ích thuế quan (đối với thương mại hàng hóa):

Lợi ích này được suy đoán là sẽ có được khi hàng hóa Việt Nam được tiếp cận các thị trường này với mức thuế quan thấp hoặc bằng 0. Như vậy lợi ích này chỉ thực tế nếu hàng hóa Việt Nam đang phải chịu mức thuế quan cao ở các thị trường này và thuế quan là vấn đề duy nhất cản trở sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên các thị trường này.

Là một nền kinh tế định hướng xuất khẩu, việc chúng ta có thể tiếp cận các thị trường lớn như Hoa Kỳ với mức thuế suất bằng 0 hoặc thấp như vậy sẽ mang lại một lợi thế cạnh tranh vô cùng lớn và một triển vọng hết sức sáng sủa cho nhiều ngành hàng của chúng ta, kéo theo đó là lợi ích cho một bộ phận lớn người lao động hoạt động trong các lĩnh vực phục vụ xuất khẩu. Lợi ích này không chỉ dừng lại ở những nhóm mặt hàng mà Việt Nam đang có thế mạnh xuất khẩu (ví dụ như dệt may, giày dép...), nó còn là động lực để nhiều nhóm mặt hàng khác hiện chưa có kim ngạch đáng kể có điều kiện để gia tăng sức cạnh tranh. Nói một cách khác, lợi thế này không chỉ nhìn từ góc độ hiện tại mà còn được nhìn thấy ở cả tiềm năng trong tương lai.

Tuy nhiên, lợi ích này cần được đánh giá một cách chừng mực hơn, đặc biệt khi quyết định đánh đổi quyền tiếp cận thị trường Việt Nam của hàng hóa nước ngoài để có được những lợi ích này. Cụ thể:

+ Thực tế, cơ hội tăng mạnh xuất khẩu không phải cho tất cả khi mà ví dụ đối với Hoa Kỳ, hàng thủy sản chưa chế biến hay đồ gỗ (hai lĩnh vực xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang thị trường này) thực tế đã đang được hưởng mức thuế suất gần bằng 0, vì vậy có TPP hay không cũng không quan trọng. Cũng



như vậy, dù rằng tương lai không hẳn chắc chắn nhưng một số mặt hàng có thể được Hoa Kỳ xem xét cho hưởng GSP³ “miễn phí” nếu chúng ta có nỗ lực vận động tốt mà không cần TPP với những cái giá phải trả có thể lớn (bằng việc mở cửa thị trường nội địa cũng như những ràng buộc khác). Đối với các ngành thuộc nhóm này, lợi ích thuế quan là không đáng kể (hoặc không có). Tình trạng tương tự với một số thị trường khác (ví dụ Úc, New Zealand, Peru hiện đã áp dụng mức thuế 0% cho các sản phẩm thủy sản như cá, tôm, cua... của Việt Nam);

+ Đối với những mặt hàng khác, trong khi cơ hội tăng xuất khẩu với giá cạnh tranh là có thật và rất lớn (ví dụ dệt may, da giày), những rào cản dưới dạng quy định kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ hay kiện phòng vệ thương mại với quy chế nền kinh tế phi thị trường mà Hoa Kỳ thực hiện rất có thể sẽ vô hiệu hóa lợi ích từ việc giảm thuế quan. Cũng như vậy những điều kiện ngặt nghèo về lao động, về xuất xứ nguyên liệu cũng có thể khiến hàng hóa Việt Nam không tận dụng được lợi ích từ việc giảm thuế trong TPP.

Nói một cách khác, những lợi ích về thuế quan trên thị trường nước đối tác TPP (đặc biệt là Hoa Kỳ) chỉ thực sự đầy đủ khi xem xét tất cả các yếu tố. Và nếu bất kỳ yếu tố nào trong số những rào cản đối với hàng xuất khẩu không được cải thiện thì lợi ích thuế quan từ TPP sẽ bị giảm sút, thậm chí nếu những rào cản này bị lạm dụng, lợi ích từ thuế quan có thể bị vô hiệu hóa hoàn toàn. Phương án đàm phán về thuế quan vì vậy cần phải lưu ý đến tất cả những yếu tố này.

³ Tuy nhiên, nhược điểm lớn nhất của GSP là tính thiếu ổn định, phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí chủ quan của nước nhập khẩu.



Khuyến nghị 2 – Về yêu cầu của Việt Nam trong tiếp cận thị trường hàng hóa đối tác TPP

2.1. Chỉ yêu cầu đối tác cắt giảm thuế đối với những dòng thuế đang có mức độ bảo hộ cao và hàng hóa Việt Nam đang và/hoặc có tiềm năng xuất khẩu lớn;

- Yêu cầu hạn chế việc ban hành mới các hàng rào TBT/SPS hoặc Thất chặt quy trình ban hành để hạn chế những rào cản mới
- Yêu cầu Hoa Kỳ công nhận quy chế nền kinh tế thị trường cho Việt Nam
- Chú ý đàm phán không áp dụng các quy tắc xuất xứ khó đáp ứng (ví dụ đòi hỏi nguyên liệu phải có nguồn gốc từ các nước đối tác TPP)

- *Lợi ích tiếp cận thị trường* (đối với thương mại dịch vụ và đầu tư)

Về lý thuyết Việt Nam sẽ được tiếp cận thị trường dịch vụ của các nước đối tác thuận lợi hơn, với ít các rào cản và điều kiện hơn. Tuy vậy trên thực tế dịch vụ của Việt Nam hầu như chưa có đầu tư đáng kể ở nước ngoài do năng lực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu. Trong tương lai, tình hình này có thể thay đổi đôi chút (với những nỗ lực trong việc xuất khẩu phần mềm, đầu tư viễn thông hay một số lĩnh vực dịch vụ khác) tuy nhiên khả năng này tương đối nhỏ.

Ngoài ra, với hiện trạng mở cửa tương đối rộng về dịch vụ của các đối tác quan trọng trong TPP như hiện nay, lợi ích này có thể không có ý nghĩa (bởi có hay không có TPP thì thị trường dịch vụ của họ cũng đã mở sẵn rồi). Đây cũng chính là lý do nhiều ý kiến cho rằng các nước phát triển sẽ được lợi về dịch vụ trong TPP trong khi những nước như Việt Nam hầu như không hưởng lợi gì từ việc này.



Khuyến nghị 3 – Về yêu cầu của Việt Nam trong tiếp cận thị trường dịch vụ đối tác TPP

- Việt Nam không cần chú trọng đến việc yêu cầu tiếp cận thị trường dịch vụ và đầu tư ở các nước đối tác TPP (có thể có ngoại lệ nhỏ);

(ii) Nhóm các lợi ích khai thác được tại thị trường nội địa (Việt Nam)

Trong thực thi các FTA, thị trường nội địa thường được hiểu là nơi chịu thiệt hại. Tuy nhiên, đối với trường hợp của Việt Nam, nhiều chuyên gia nhấn mạnh rằng chúng ta có thể “có lời” từ TPP ngay cả ở thị trường nội địa, nơi vốn được xem là “chỉ chịu thiệt” từ các FTA nói chung.

“Khoản lời” này nằm ở những khía cạnh sau đây:

- Lợi ích từ việc giảm thuế hàng nhập khẩu từ các nước TPP: Người tiêu dùng và các ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ các nước này làm nguyên liệu đầu vào sẽ được hưởng lợi từ hàng hóa, nguyên liệu giá rẻ, giúp giảm chi phí sinh hoạt và sản xuất, từ đó có thể giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của những ngành này;
- Lợi ích từ những khoản đầu tư, dịch vụ đến từ Hoa Kỳ và các nước đối tác TPP: Đó là một môi trường kinh doanh cạnh tranh hơn, mang lại dịch vụ giá rẻ hơn chất lượng tốt hơn cho người tiêu dùng, những công nghệ và phương thức quản lý mới cho đối tác Việt Nam và một sức ép để cải tổ và để tiến bộ hơn cho các đơn vị dịch vụ nội địa;
- Lợi ích đến từ những thay đổi thể chế hay cải cách để đáp ứng những đòi hỏi chung của TPP: TPP dự kiến sẽ bao trùm cả những cam kết về những vấn đề xuyên suốt như sự hài hòa giữa các quy định pháp luật, tính cạnh tranh, vấn đề hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuỗi cung ứng, hỗ trợ phát triển... Đây là những lợi ích lâu dài và xuyên suốt các khía



ạnh của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt có ý nghĩa đối với nhóm doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất (doanh nghiệp nhỏ và vừa) và do đó là rất đáng kể;

- Lợi ích đến từ việc mở cửa thị trường mua sắm công: Mặc dù mức độ mở cửa đối với thị trường mua sắm công trong khuôn khổ TPP chưa được xác định cụ thể nhưng nhiều khả năng các nội dung trong Hiệp định về mua sắm công trong WTO sẽ được áp dụng cho TPP, và nếu điều này là thực tế thì lợi ích mà Việt Nam có được từ điều này sẽ là triển vọng minh bạch hóa thị trường quan trọng này – TPP vì thế có thể là một động lực tốt để giải quyết những bất cập trong các hợp đồng mua sắm công và hoạt động đấu thầu xuất phát từ tình trạng thiếu minh bạch hiện nay;
- Lợi ích đến từ việc thực thi các tiêu chuẩn về lao động, môi trường: Mặc dù về cơ bản những yêu cầu cao về vấn đề này có thể gây khó khăn cho Việt Nam (đặc biệt là chi phí tổ chức thực hiện của Nhà nước và chi phí tuân thủ của doanh nghiệp) nhưng xét một cách kỹ lưỡng một số tiêu chuẩn trong đó (ví dụ về môi trường) sẽ là cơ hội tốt để Việt Nam làm tốt hơn vấn đề bảo vệ môi trường (đặc biệt trong đầu tư từ các nước đối tác TPP) và bảo vệ người lao động nội địa.

Khuyến nghị 4 – Quan điểm chung trong mở cửa thị trường nội địa (cả hàng hóa và dịch vụ)

- Có phương án mở cửa thị trường mạnh dạn hơn;
- Chỉ chú ý hạn chế mở cửa thị trường với các lĩnh vực nhạy cảm trong quản lý kinh tế vĩ mô và an ninh; hoặc liên quan đến các đối tượng dễ bị tổn thương.



2. Bất lợi từ TPP và tình huống giảm nhẹ

Như đã đề cập, tham gia FTA nói chung và TPP nói riêng, Việt Nam sẽ phải mở cửa nhanh và mạnh thị trường nội địa của mình cho hàng hóa, dịch vụ từ các nước đối tác. Nếu Việt Nam có “mất” khi tham gia TPP thì là mất ở điểm này chủ yếu. Bên cạnh đó, cũng có ý kiến cho rằng nếu chúng ta không chú ý để tránh các cam kết bất lợi, “mất” còn có thể là hiện thực ở cả thị trường các nước đối tác TPP.

(i) “Mất” ở thị trường nội địa

Bất lợi ở thị trường nội địa khi Việt Nam thực hiện TPP có thể được thể hiện ở các hình thức sau:

- *Bất lợi từ việc giảm thuế quan đối với hàng hóa từ các nước đối tác TPP*

Việt Nam hiện vẫn còn là thị trường tương đối đóng với nhiều nhóm mặt hàng còn giữ mức thuế MFN khá cao (và với lộ trình mở cửa dài hơi). Vì thế việc phải cam kết giảm thuế đối với phần lớn các nhóm mặt hàng từ các nước đối tác TPP dự kiến sẽ gây ra 02 bất lợi trực tiếp, bao gồm (i) giảm nguồn thu ngân sách từ thuế nhập khẩu và (ii) cạnh tranh trong nước gay gắt hơn.

Thứ nhất, việc giảm thu ngân sách từ thuế nhập khẩu sau khi thực hiện TPP là hệ quả chắc chắn và trực tiếp. Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng lượng thất thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam từ các đối tác TPP không thật sự lớn so với hiện trạng (do phần lớn các đối tác trong TPP đã có FTA với Việt Nam và do đó chúng ta đã và sẽ phải cắt giảm thuế theo các FTA này mà không phải chờ đến TPP). Và do đó tác động bất lợi này không phải là quá nghiêm trọng.

Thứ hai, giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn. Hệ quả tất yếu là thị phần hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn. Đây là thực tế đã từng xảy ra khi chúng ta thực hiện các FTA đã ký mà đặc biệt là ACFTA với Trung Quốc. Nguy cơ này đặc biệt nguy hiểm đối với nhóm



hàng nông sản, vốn gắn liền với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong hội nhập là nông dân và nông thôn. Tuy vậy, các ý kiến lạc quan lại cho rằng trong trường hợp cụ thể của TPP, cái “mất” này có thể không phải là quá nghiêm trọng, ví dụ với đối tác Hoa Kỳ, hàng hóa của Hoa Kỳ có phân khúc và khách hàng khác với hàng hóa tương tự của Việt Nam, vì vậy đối với một số ngành, cạnh tranh đến từ hàng hóa Hoa Kỳ sẽ không quá nguy hiểm. Theo cách hiểu này, thị phần nội địa có thể sẽ bị phân chia lại sau TPP, nhưng là giữa các đối thủ Hoa Kỳ với những đối thủ nước ngoài khác trên thị trường Việt Nam chứ không phải là với các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, cạnh tranh trong thị trường hàng hóa nội địa cũng là sức ép tốt để các doanh nghiệp Việt Nam tự thích nghi, điều chỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh của mình⁴.

Khuyến nghị 5 – Về quan điểm trong mở cửa hàng hóa nội địa

- Cần mạnh dạn hơn trong cắt giảm thuế quan đối với đa số hàng hóa;
- Giới hạn những nhóm hàng cần bảo hộ ở mức cao chỉ ở những mặt hàng nhạy cảm (gạo, đường, phân bón...) hoặc được sản xuất bởi nhóm đối tượng dễ bị tổn thương

- Bất lợi từ việc mở cửa các thị trường dịch vụ

Dịch vụ là mảng hoạt động thương mại mà mức độ mở cửa thị trường của Việt Nam là hạn chế và dè dặt nhất. So với cách thức đàm phán chọn-cho của WTO,

⁴ Theo kết quả nghiên cứu của Viện Kinh tế Việt Nam - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam trong Đề tài cấp Bộ “Khả năng thích ứng của doanh nghiệp tư nhân sau khi Việt Nam tham gia WTO” thực hiện tháng 10/2010 thì các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đa số vẫn có lợi nhuận dương và tỷ lệ giá trị gia tăng trên tổng doanh thu là không thay đổi đáng kể qua hai năm Việt Nam gia nhập WTO. Sự ổn định này, mặc dù vậy, chủ yếu do các doanh nghiệp có khả năng thích nghi tốt (chứ không phải là khả năng điều chỉnh tốt).



phương pháp chọn-bỏ dự kiến trong đàm phán TPP sẽ khiến cho bức tranh mở cửa dịch vụ của Việt Nam đối với các đối tác TPP thay đổi mạnh mẽ.

Đây cũng chính là điểm được suy đoán là sẽ tạo ra bất lợi lớn cho doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia TPP. Với TPP, sự tham gia mạnh mẽ và tự do hơn của các nhà cung cấp có tiềm lực lớn, có kinh nghiệm lâu năm, có ưu thế về dịch vụ trên thế giới (đặc biệt là các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ) có thể khiến cho các đơn vị cung cấp dịch vụ của Việt Nam gặp khó khăn nghiêm trọng.

Tuy nhiên, kịch bản thực tế có thể không toàn bất lợi như vậy. Cụ thể cạnh tranh có thể là động lực để các doanh nghiệp tự đổi mới và nâng cao năng lực để phát triển tốt hơn. Cạnh tranh cũng giúp xóa những đơn vị sản xuất yếu kém, không thích hợp với tình hình mới (đây cũng là điều nên xảy ra, dù rằng Việt Nam chưa quen với tình trạng phá sản của các doanh nghiệp yếu kém). Ngoài ra, không thể không nhắc tới những khả năng hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và đối tác từ TPP để cùng phát triển. Mở cửa thị trường cũng là cơ hội để thu hút đầu tư vào các ngành dịch vụ, đặc biệt các ngành cần vốn và công nghệ quản lý cao. Đây có thể là cơ sở để phát triển nhiều ngành dịch vụ ở Việt Nam trong tương lai.

Khuyến nghị 6 – Về quan điểm trong mở cửa thị trường dịch vụ nội địa

- Có thể mạnh dạn hơn trong việc mở cửa thị trường dịch vụ, đặc biệt là những dịch vụ về cơ sở hạ tầng nhằm hỗ trợ phát triển;
- Giới hạn những nhóm dịch vụ cần bảo hộ chỉ ở những lĩnh vực nhạy cảm (ví dụ liên quan đến an ninh quốc phòng hay ổn định tiền tệ...).



- *Bắt lợi từ việc thực thi các yêu cầu cao về môi trường, lao động, cạnh tranh... và các ràng buộc mang tính thủ tục khi ban hành các quy định liên quan đến rào cản kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ...*

Các kết quả đàm phán FTA của Hoa Kỳ trong giai đoạn gần đây cho thấy nước này nhấn mạnh việc tuân thủ các yêu cầu cao về môi trường (theo một danh mục tương đối dài các công ước quốc tế về môi trường), lao động (tiêu chuẩn ILO) hay các ràng buộc nhiều hơn về mặt thủ tục khi ban hành hay thực thi các quy định về cạnh tranh, phòng vệ thương mại, TBT, SPS (theo hướng tăng cường thủ tục tham vấn trao đổi trước khi ban hành quy định/biện pháp, quyền tiếp cận tư pháp để giải quyết vướng mắc...)... Các đối tác phát triển như Úc, New Zealand khá quan tâm đến các vấn đề này. Hiệp định P4 (tiền thân của TPP) cũng bao gồm các quy định liên quan. Vì vậy khả năng TPP tương lai có thể bao trùm các lĩnh vực này là tương đối lớn.

Một mặt, việc tổ chức thực hiện các yêu cầu này sẽ là một gánh nặng lớn đối với Nhà nước (trong việc gia nhập các công ước liên quan, sửa đổi quy định pháp luật nội địa, xây dựng các cơ chế, thủ tục ban hành thực thi mới...). Việc thực thi cũng tạo ra nhiều chi phí cho doanh nghiệp để thực thi (ví dụ như thay đổi công nghệ nuôi trồng – sản xuất, thay đổi nguồn cung nguyên vật liệu, bổ sung cơ chế kiểm soát...). Ngoài ra, có những vấn đề thuộc về thể chế không dễ thay đổi (như quyền lập hội, quyền đàm phán tập thể...).

Mặt khác, thực hiện các cam kết dạng này sẽ là cơ hội tốt để chúng ta cải thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là từ góc độ phát triển bền vững (môi trường), vì quyền con người (lao động), minh bạch hóa và cải cách hành chính (các vấn đề còn lại). Từ góc độ này, những lợi ích mà việc thực hiện những cam kết này mang lại có thể là rất lớn và có giá trị lâu dài (vượt xa những chi phí bỏ ra để tổ chức thực hiện các yêu cầu này).

Vì vậy không phải tất cả các vấn đề này đều sẽ là khó khăn cho phía Việt Nam. Với việc tính đến những lợi ích mà các cam kết này có thể mang lại cho chúng



ta, cần cân nhắc phương án đàm phán thích hợp sao cho đối tác có thể chấp nhận những “mức độ cam kết” mà Việt Nam có thể chịu đựng được. Theo nhiều chuyên gia thì để có được kết quả đàm phán có lợi về những vấn đề này cần lưu ý:

+ Thứ nhất, Việt Nam cần thuyết phục được các đối tác rằng chúng ta đã có rất nhiều tiến bộ trong các lĩnh vực về môi trường và lao động. Và vì vậy việc chưa thể đạt được các yêu cầu/tiêu chuẩn cao về môi trường không phải do Việt Nam không mong muốn như vậy mà là do khả năng hiện tại chưa thể đáp ứng. Với những thuyết phục như vậy, việc yêu cầu tiêu chuẩn thấp hơn hoặc lộ trình áp dụng dài hơn và/hoặc những hỗ trợ kỹ thuật để triển khai là khả thi hơn nhiều.

+ Thứ hai, Việt Nam cần chủ động chấp nhận trước những yêu cầu về môi trường và lao động mà Việt Nam hiện có thể đáp ứng được (không giữ quan điểm bảo thủ trong toàn bộ vấn đề). Ví dụ, theo nhiều doanh nghiệp, hiện nay họ đã đang đáp ứng nhiều tiêu chuẩn về lao động liên quan đến loại bỏ lao động cưỡng bức, cấm lao động trẻ em, cấm phân biệt đối xử trong tuyển dụng và sử dụng lao động, đảm bảo quyền tiếp cận công lý trong thực thi pháp luật lao động.... theo yêu cầu của khách hàng, và vì vậy việc các tiêu chuẩn này được áp dụng chung cũng sẽ không gây ra khó khăn hay bất cập lớn cho những doanh nghiệp này và cả những doanh nghiệp khác (nếu họ làm được thì suy đoán là các doanh nghiệp khác cũng có thể cố gắng để thực hiện được).

Khuyến nghị 7 – Về quan điểm đàm phán liên quan đến lao động, môi trường

- Chấp nhận đàm phán về các vấn đề môi trường, lao động; có giải trình thích hợp về những tiến bộ đã đạt được và có yêu cầu hợp lý về lộ trình thực thi và hỗ trợ kỹ thuật.



Khuyến nghị 8 – Về quan điểm đàm phán liên quan đến TBT, SPS, phòng vệ thương mại

Yêu cầu hạn chế ban hành hoặc tăng cường các hàng rào kỹ thuật (TBT), vệ sinh dịch tễ (SPS), phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ).

- Bất lợi từ việc thực thi các yêu cầu cao liên quan đến việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Hoa Kỳ là đối tác có tiếng là cứng rắn trong những vấn đề liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cả trong WTO lẫn trong các FTA của nước này. Đối với TPP, vấn đề này cũng đã được Hoa Kỳ thể hiện tương đối rõ ràng (với mong muốn đạt được TRIPS + trong lĩnh vực này).

Tuy nhiên, đây lại là vấn đề lớn đối với Việt Nam trong hoàn cảnh thực tế vi phạm còn lớn và các thiết chế bảo hộ còn thiếu hiệu quả. Việc bảo hộ chặt chẽ các quyền sở hữu trí tuệ cũng sẽ dẫn tới những khó khăn trước mắt cho nhiều doanh nghiệp Việt Nam (khi phải bỏ vốn nhiều hơn cho những sản phẩm thuộc loại này) và người tiêu dùng (khi phải trả giá đắt hơn cho sản phẩm).

Tuy nhiên, về vấn đề này, cũng cần nhận thức đầy đủ rằng tình trạng hiện tại cần thay đổi dần dần để chấm dứt trong tương lai nếu Việt Nam muốn có một nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa (bởi bảo hộ tốt quyền sở hữu trí tuệ là động lực để phát triển sáng tạo ở Việt Nam và thu hút đầu tư công nghệ cao làm cơ sở cho hiện đại hóa). Do vậy thực hiện TRIPS và TRIPS + trong tương lai là có lợi cho Việt Nam, và vì thế cần xem đây như là một cơ hội tốt để thúc đẩy công việc khó khăn này ở Việt Nam.



Tuy nhiên, việc thực hiện ngay và toàn bộ các yêu cầu ở mức TRIPS + là không khả thi đối với chúng ta. Vì vậy sẽ rất tốt nếu Cơ quan đàm phán có thể chấp nhận những yêu cầu tương đối cao về sở hữu trí tuệ trong TPP nhưng với các điều kiện tiên quyết như:

- + Lộ trình thực hiện dài;
- + Có sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để thực thi (Việt Nam cũng đang phải nhận sự hỗ trợ kỹ thuật từ nhiều nguồn để thực hiện yêu cầu trong lĩnh vực này theo TRIPS của WTO);
- + Có những ngoại lệ thích hợp (riêng đối với trường hợp này, Việt Nam có thể dựa vào những xu hướng đang lên hiện nay trên thế giới liên quan đến vấn đề tăng cường bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng liên quan đến dược phẩm, bảo vệ sức khỏe... trước những yêu cầu về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các lĩnh vực này⁵)

Khuyến nghị 9 – Về quan điểm đàm phán liên quan đến sở hữu trí tuệ

Chấp nhận mức bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cao hơn mức hiện tại trong WTO nhưng với lộ trình thực thi dài hơn, với các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết và những ngoại lệ theo xu hướng chung của thế giới.

⁵ Vấn đề “Tiếp cận tri thức cho người tiêu dùng” – A2K (Access to Knowledge) hiện đang rất thời sự và được Quốc tế người tiêu dùng – CI (Consumer International) và nhiều tổ chức bảo vệ người tiêu dùng trên thế giới đưa thành chiến dịch với mục tiêu đảm bảo rằng lợi ích của người tiêu dùng, nhất là người tiêu dùng ở các nước đang phát triển đặc biệt trong các cuộc đàm phán ở cấp độ quốc gia cũng như quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ...



- *Bất lợi từ việc mở cửa thị trường mua sắm công*

Mua sắm công là một vấn đề phức tạp và hiện vẫn đang là lĩnh vực tương đối đóng đối với tự do thương mại. Trong WTO, Hiệp định về mua sắm công có sự tham gia của một số lượng rất hạn chế các nước và mặc dù bị Hoa Kỳ kêu gọi hoặc thúc ép, nhiều nước vẫn giữ quan điểm thận trọng đối với lĩnh vực này⁶. Trong TPP, có nhiều ý kiến cho rằng Hoa Kỳ sẽ lại đưa ra yêu cầu này cho các đối tác tham gia đàm phán (ví dụ bằng việc yêu cầu các đối tác TPP tham gia Hiệp định về mua sắm công của WTO hoặc đưa các quy định của Hiệp định này vào TPP).

Đối với Việt Nam, việc mở cửa thị trường mua sắm công theo cách này có được suy đoán là sẽ gây ra những tác động bất lợi (với những lo ngại tương tự như lo ngại của nhiều nước về sự “tấn công” của các nhà cung cấp nước ngoài khiến doanh nghiệp nội địa không cạnh tranh nổi trong các vụ đấu thầu lớn) trong khi khả năng Việt Nam tiếp cận được với thị trường mua sắm công của các đối tác TPP là hầu như không có (do hạn chế về năng lực cạnh tranh).

Tuy nhiên, cũng cần có nhìn nhận tích cực hơn về vấn đề này. Cụ thể, việc mở cửa thị trường mua sắm công có thể mang lại những lợi ích nhất định trong hoàn cảnh riêng của Việt Nam:

- Có thể là cơ hội để minh bạch hóa thị trường này (hiện nay mặc dù đã có Luật đấu thầu cùng các văn bản liên quan nhưng mua sắm công vẫn là lĩnh vực còn rất nhiều bất cập phát sinh từ việc thiếu minh bạch trong các quy trình liên quan – vì vậy các yêu cầu minh bạch hóa về mua sắm công có thể giúp giải quyết một phần những bất cập này);

⁶ Theo thống kê của chuyên gia thì trong số 14 nền kinh tế là thành viên Hiệp định Mua sắm Chính phủ (EU với 27 quốc gia thành viên cũng chỉ tính là 1 thành viên) chỉ mới có 2 nước đàm phán TPP là Hoa Kỳ và Singapore và trong số 23 quan sát viên của Hiệp định này, chỉ có 2 nước đàm phán TPP là Australia và New Zealand.



- Có thể là biện pháp tốt để cải thiện các điều kiện mua sắm công từ đó có thể lựa chọn được các nhà cung cấp (dịch vụ, hàng hóa) tốt hơn (điều này có thể có lợi trong hoàn cảnh hầu hết các công trình lớn của Việt Nam hiện nay được thực hiện bởi nhà thầu Trung Quốc với chất lượng hạn chế).

Vì vậy có lẽ đối với vấn đề này, Việt Nam cũng nên có quan điểm tích cực trong việc chấp nhận mở cửa thị trường mua sắm công ở mức độ thích hợp và với lộ trình thích hợp.

Khuyến nghị 10 – Về quan điểm đàm phán liên quan đến mua sắm công

Chấp nhận mở cửa thị trường mua sắm công ở mức độ thích hợp (ít nhất là các vấn đề liên quan đến minh bạch và điều kiện áp dụng đối với hoạt động đấu thầu thực hiện bằng vốn Nhà nước).

(ii) “Mất” ở thị trường các nước đối tác TPP

Trong đàm phán FTA nói chung, thị trường nước ngoài thường được suy đoán là nơi mà nước đàm phán thu được lợi ích. Tuy nhiên, riêng đối với trường hợp TPP (với việc Hoa Kỳ thuộc nhóm đi đầu trong việc sử dụng các biện pháp rào cản, và lại rất nhấn mạnh các vấn đề phi thương mại trong đàm phán TPP) khả năng “mất” ở thị trường nước ngoài vẫn được đề cập tới. Tuy nhiên, vấn đề này cần được làm rõ hơn. Cụ thể:

- *Các yêu cầu/tiêu chuẩn cao về môi trường và lao động:*

Như đã đề cập, khả năng những vấn đề về môi trường và lao động được đưa vào phạm vi điều chỉnh của TPP theo hướng nâng cao các tiêu chuẩn/yêu cầu về các lĩnh vực này là rất lớn. Trên thực tế, các yêu cầu này ở các thị trường đối tác TPP (đặc biệt là Hoa Kỳ) đã từng hoặc đang khiến nhiều loại hàng hóa



xuất khẩu gặp nhiều thách thức ở các thị trường này (ví dụ tiêu chuẩn về nguồn gốc đối với các sản phẩm có chứa gỗ). Vì vậy đây luôn luôn là vấn đề hóc búa đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam.

Tuy nhiên, vấn đề này không thực sự trầm trọng đối với Việt Nam ở thị trường đối tác TPP nếu nhìn chi tiết hơn về mặt kỹ thuật.. Cụ thể, những quy định về môi trường hay lao động mà các đối tác của Việt Nam đang áp dụng (mà đặc biệt là Hoa Kỳ) được thực thi không phân biệt đối xử giữa hàng hóa từ các nguồn. Nói cách khác, chúng vẫn luôn là như vậy dù Việt Nam có cam kết liên quan trong TPP hay không. Vì vậy cam kết trong TPP về môi trường hay lao động không làm khả năng xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam sang thị trường này tốt hơn hay xấu đi. Và do đó những cam kết trong vấn đề này, nếu có, hầu như không phải là bất lợi đối với Việt Nam so với hoàn cảnh hiện tại.

- Các thủ tục ràng buộc về ban hành và thực thi các quy định về TBT, SPS, phòng vệ thương mại...

Khả năng TPP tương lai có các điều khoản về TBT, SPS, phòng vệ thương mại... là rất lớn. Đây lại là những rào cản mà hàng hóa xuất khẩu Việt Nam lâu nay phải đối mặt ở các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là Hoa Kỳ. Do đó mối quan ngại rằng những cam kết về các vấn đề này có thể khiến cho những lợi thế về thuế quan mà hàng hóa xuất khẩu Việt Nam được hưởng từ TPP bị vô hiệu hóa không phải không có cơ sở.

Tuy nhiên, cần phải thực tế hơn khi xem xét vấn đề này. Đúng là những lợi ích từ việc giảm thuế có thể sẽ không nhiều ý nghĩa nếu các rào cản kiểu TBT, SPS hay phòng vệ thương mại ngày càng dựng cao hơn đối với hàng Việt Nam. Tuy nhiên, tham khảo các điều khoản liên quan trong các FTA mà Hoa Kỳ hay các đối tác TPP ký gần đây thì chúng hầu như chỉ bao gồm những nội dung liên quan đến thủ tục (theo hướng tăng cường các thủ tục ràng buộc các chính phủ khi ban hành hay thực thi những quy định TBT, SPS, phòng vệ thương mại) chứ không quy định cụ thể về các tiêu chuẩn/yêu cầu xác định cho



từng loại hàng hóa (trừ một số rất hiếm hữu các trường hợp, ví dụ quy định liên quan đến ô tô trong FTA Hoa Kỳ - Hàn Quốc). Do đó TPP được suy đoán là cũng không thể xử lý các vấn đề về mức độ rào cản cụ thể trên thực tế. Và vì vậy, cũng tương tự như vấn đề môi trường hay lao động, hàng hóa Việt Nam dù có hay không có TPP vẫn phải đáp ứng các yêu cầu thực tế về những nội dung này của đối tác TPP.

Thậm chí, từ một góc độ khác, những ràng buộc mới về thủ tục trong TPP còn có thể khiến cho Việt Nam có thêm cơ hội để tham gia ý kiến, bình luận và do đó có thể can thiệp nhiều hơn vào quá trình ban hành mới những quy định thuộc nhóm này.

Vì vậy, các vấn đề này nếu được TPP điều chỉnh cũng sẽ không làm hàng hóa Việt Nam bất lợi hơn so với hiện tại ở thị trường các nước TPP.

Kết luận

Trong làn sóng đàm phán và ký kết các FTA của Nhà nước ta hiện nay, đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) được đánh giá là một trong những đàm phán mở cửa thương mại tự do quan trọng nhất của Việt Nam.

Vì vậy, việc cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và công chúng nói chung có ý kiến về phương án đàm phán thích hợp và mức độ cam kết có lợi nhất cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và hài hòa được lợi ích của các ngành nói riêng trong khuôn khổ đàm phán này là rất cần thiết.

Nghiên cứu của chuyên gia và tổng hợp ý kiến của các doanh nghiệp, hiệp hội cho thấy về cơ bản TPP có thể mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam; những bất lợi là có nhưng nhìn tổng thể là nhỏ hơn lợi ích tiềm tàng. Vì thế khuyến nghị chung từ phía cộng đồng doanh nghiệp là Nhà nước có phương án đàm phán mạnh dạn, chấp nhận các mức độ mở cửa rộng trong khuôn khổ TPP.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, trong quá trình đàm phán, để có thể tận dụng tốt những cơ hội, tránh tình trạng lợi ích bị vô hiệu hóa và hạn chế tối đa các tác động không mong muốn của TPP, cộng đồng doanh nghiệp khuyến nghị Nhà nước đặc biệt chú ý đến quan điểm đàm phán cụ thể ở một số vấn đề đặc biệt.

Những khuyến nghị cụ thể từ phía doanh nghiệp về từng lĩnh vực đàm phán trong TPP sẽ được tổng hợp và gửi cho Đoàn đàm phán trong thời gian tới./

